

Số: 162/CK-THCSNH

Nam Hưng, ngày 08 tháng 10 năm 2024

**THỰC HIỆN CÔNG KHAI TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG THCS NAM HƯNG NĂM HỌC 2024-2025**

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT- BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định công khai trong trường học năm học 2024-2025 (TT có hiệu lực thi hành từ ngày 19/7/2024 - thay thế Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân);

Trường THCS Nam Hưng thực hiện công khai trong trường học đầu năm học 2024-2025 cụ thể các nội dung sau:

NỘI DUNG CÔNG KHAI

Mục 1. CÔNG KHAI CHUNG ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC

Điều 4. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

I. Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Nam Hưng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

II. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục:

Thôn Trần Xá, xã nam Hưng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

Trang web: ns-thcsnamhung.haiduong.edu.vn

III. Bối cảnh, sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu phát triển:

1. Bối cảnh:

1.1 Bối cảnh bên ngoài:

* Thời cơ:

- Đảng và Nhà nước có chủ trương rõ ràng về việc chỉ đạo thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo (GDĐT) thông qua Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Toàn thể các Bộ, Ban, Ngành đều hiểu được sự cần thiết phải thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông để thay đổi vận mệnh và sự phát triển của quốc gia. Các Bộ đã có những phối hợp để có văn bản hướng dẫn các địa phương thực hiện các điều kiện như xây dựng cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị dạy học; chế độ tiền lương (tăng lương) cho giáo viên, chế độ học sinh vùng khó khăn, người dân tộc...

- Chương trình (CT) giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 là chương trình mở, tăng tính chủ động cho nhà trường.

- Sự phát triển mạnh mẽ công nghệ thông tin (CNTT) 4.0; Sự tuyên truyền của các cấp và nhà trường để xã hội và phụ huynh học sinh (PHHS) nắm bắt được những lộ trình và các điều kiện cần có để đáp ứng thực hiện đổi mới CT GDPT.

- Các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền rất quan tâm đến sự nghiệp phát triển GD.

- Chính quyền địa phương luôn quan tâm đến các hoạt động giáo dục của nhà trường và công tác an ninh trật tự trường học, giao thông an toàn...

* Nguy cơ thách thức:

- Sự phát triển mạnh mẽ công nghệ thông tin (CNTT) 4.0 thì kéo theo đó là những hệ lụy khó lường; tệ nạn xã hội xâm nhập học đường một phần do một số thanh niên hư hỏng bên ngoài lôi kéo, một phần do PH còn mãi làm công ty tăng ca, đi làm ăn xa, đi lao động nước ngoài không có thời gian cùng nhà trường quản lý, giáo dục con cái và đôi khi phó mặc cho ông bà tuổi đã già không quản lý được, một số gia đình còn nuông chiều cho tiền, cho điện thoại dùng không quản lý được dẫn tới ý thức và học tập giảm sút.

- Sự tiếp cận với cái mới chưa được đào tạo bài bản, đôi khi chưa kịp thời. Cũ mới đan xen và cái cũ ăn sâu vào tiềm thức không phải một sớm, một chiều thay đổi được ngay vì vậy phải khắc phục dần dần từng bước

1.2. Bối cảnh bên trong:

* Điểm mạnh:

- Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 (đánh giá ngoài), đạt chuẩn quốc gia mức độ II vì vậy:

+ CSVC đảm bảo, trang thiết bị đầy đủ thuận lợi cho công tác giảng dạy, việc ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy học (có đủ số phòng học đảm bảo mỗi lớp có 01 phòng học riêng và đủ 10 phòng học bộ môn; có phòng máy tính dành cho học sinh thực hành, có mạng internet, máy chiếu 11 chiếc, ti vi 07 chiếc, bảng tương tác 02 chiếc lắp đặt tại phòng bộ môn ngoại ngữ, phòng BM nghệ thuật; Các phòng hầu hết có hệ thống loa)

+ Chất lượng 2 mặt giáo dục, chất lượng mũi nhọn ngày càng được nâng cao; Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống được tăng cường, đa số HS chăm ngoan, lễ phép, có ý thức tốt trong học tập và rèn luyện.

+ Tỷ lệ giáo viên/lớp và cơ cấu đội ngũ tương đối đảm bảo theo quy định. Có 100% giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo (Đại học 100%). Nhiều giáo viên đạt GVG cấp trường, cấp huyện và có giáo viên giỏi cấp tỉnh.

+ Cán bộ quản lý nhà trường có trách nhiệm, bám sát sự chỉ đạo của lãnh đạo các cấp và tập hợp được các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường, quy tụ được quần chúng và tạo lập được sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng.

* Điểm yếu:

- Trong giảng dạy còn thầy cô chưa phát huy tốt năng lực học sinh, đổi mới phương pháp còn chậm chưa đạt hiệu quả cao.

- Kiến thức, kỹ năng nền tảng lớp dưới một số em chưa thực sự vững chắc kéo theo khó khăn cho việc tiếp thu kiến thức lớp trên
- Chất lượng đầu vào THPT chưa thật sự ổn định vững chắc
- Chất lượng mũi nhọn về văn hóa, giáo dục thể chất vẫn còn một số môn chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra;
 - Học sinh một số em còn lười học, mải chơi, chưa tích cực tự học, nghiên cứu và tham gia hoạt động xã hội.
- * Khó khăn:
 - Còn thiếu giáo viên đứng lớp môn GDCD, Nghệ thuật (Âm nhạc) phải hợp đồng giáo viên biên chế trường ngoài gây bất cập, khó khăn trong sắp xếp TKB.
 - Giáo viên dạy Hoạt động trải nghiệm – Hướng nghiệp không được đào tạo bài bản, chưa có kinh nghiệm cũng như năng lực chuyên môn, chưa chuyên sâu dẫn tới hiệu quả đạt được chưa cao.

2. Sứ mạng, tầm nhìn:

Trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, nguồn lực con người Việt Nam càng trở nên có ý nghĩa quan trọng, quyết định sự thành công của công cuộc phát triển đất nước. Giáo dục ngày càng có vai trò và nhiệm vụ quan trọng trong việc xây dựng một thế hệ người Việt Nam mới, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội. Điều này đòi hỏi giáo dục phải có chiến lược phát triển đúng hướng, hợp quy luật, xu thế và xứng tầm thời đại. Những thành tựu của giáo dục nước ta đã khẳng định vai trò quan trọng của giáo dục trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước, đã và đang góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế-xã hội, giữ vững an ninh chính trị của đất nước trong nhiều năm đổi mới. Thực tiễn phát triển giáo dục đất nước đã khẳng định những định hướng đúng đắn của chiến lược nhưng đồng thời cũng cho thấy cần có sự điều chỉnh. Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến 2030 sẽ có những điều chỉnh cần thiết, tạo bước chuyển để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Phòng GD&ĐT huyện Nam Sách, thầy và trò trường THCS Nam Hưng không ngừng nỗ lực phấn đấu để xứng đáng với niềm tin của các cấp chính quyền và nhân dân trong xã. Những năm gần đây chất lượng giáo dục nhà trường luôn từng bước được phát triển. Tập thể nhà trường nhiều năm liền đạt tập thể lao động tiên tiến và xuất sắc, nhiều năm được UBND huyện tặng giấy khen. Năm 2022 nhà trường được Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương công nhận trường học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2; được Sở GD&ĐT Hải Dương cấp giấy chứng nhận KĐCLGD cấp độ 3.

Trong giai đoạn phát triển Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay, giáo dục ngày càng có vai trò quan trọng trong việc đào tạo thế hệ người Việt Nam mới, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Điều này đòi hỏi nhà trường phải xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển đúng hướng, hợp quy luật, xu thế và xứng tầm thời đại, đồng thời phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của xã

Nam Hưng, huyện Nam Sách. Điều này đòi hỏi giáo dục phải có chiến lược phát triển đúng hướng, hợp quy luật, xu thế và xứng tầm thời đại. Những thành tựu của giáo dục nước ta đã khẳng định vai trò quan trọng của giáo dục trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước, đã và đang góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế-xã hội, giữ vững an ninh chính trị của đất nước trong nhiều năm đổi mới. Thực tiễn phát triển giáo dục đất nước đã khẳng định những định hướng đúng đắn của chiến lược nhưng đồng thời cũng cho thấy cần có sự điều chỉnh. Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến 2030 sẽ có những điều chỉnh cần thiết, tạo bước chuyển để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát huy kết quả nhà trường đã đạt được trong giai đoạn 2015-2020. Từ đó, xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường và hoạt động của lãnh đạo nhà trường cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường. Xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch chiến lược nhà trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 sẽ góp phần quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục nhà trường nói riêng, mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội địa phương nói chung.

3. Mục tiêu giáo dục của nhà trường:

3.1. Mục tiêu chung:

- Đảm bảo quy mô, mạng lưới trường, lớp học; Duy trì và phát triển đội ngũ nhà giáo đảm bảo chất lượng, cơ cấu, vị trí việc làm, trong đó chú trọng xây dựng ý thức tự học, tự nghiên cứu trong đội ngũ để đáp ứng kịp thời với yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

- Thực hiện tốt chủ đề năm học “*Đổi mới, sáng tạo, nâng cao chất lượng, đoàn kết, kỷ cương*”; Chủ động, linh hoạt và bám sát sự chỉ đạo của cấp trên trong việc xây dựng kế hoạch và thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với các khối lớp 6, 7, 8, 9; Đảm bảo hoàn thành chương trình theo kế hoạch thời gian năm học của UBND tỉnh Hải Dương ban hành; củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường. Tổ chức đánh giá tổng kết việc triển khai thực hiện CT GDPT2018 giai đoạn 2020-2025 vào cuối năm học.

- Thực hiện hiệu quả các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, KTĐG nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; đa dạng hóa các hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp phát triển các kỹ năng cho học sinh; thúc đẩy và nâng cao chất lượng giáo dục STEM, hoạt động giáo dục trải nghiệm- hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THPT.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số; đổi mới, sáng tạo, linh hoạt trong công tác quản lý, nâng cao tinh thần trách nhiệm, năng lực, hiệu quả công tác quản lý đối với nhà trường và thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường, đồng thời tích cực tham mưu xây dựng cơ sở vật chất,

tích cực đầu tư mua sắm trang thiết bị dạy học đáp ứng kịp thời theo yêu cầu CT GDPT mới 2018; nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục THCS;

- Quan tâm chỉ đạo xây dựng và thực hiện tốt 2 mô hình trường học đó là: “*Sáng – Xanh – Sạch – Đẹp- An toàn - Thân thiện*” và mô hình trường học “*đổi mới, sáng tạo, nâng cao hiệu quả giáo dục*”, đồng thời chủ động trong phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh.

- Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, trong đó đặc biệt quan tâm đến chất lượng mũi nhọn, học sinh năng khiếu, các cuộc thi do cấp trên phát động và chất lượng đầu vào THPT;

- Tích cực đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh; đa dạng hóa các hình thức giáo dục, đẩy mạnh các hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp, hoạt động giáo dục STEM, nghiên cứu sáng tạo khoa học của học sinh; triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ số trong dạy và học.

- Chú trọng nâng cao kỷ cương, nề nếp, giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, hiểu biết xã hội và thực hành pháp luật cho h/s.

- Tích cực triển khai sáng tạo, hiệu quả các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành bằng những nội dung, hình thức thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tế, tạo sự chuyển biến rõ nét chất lượng hiệu quả các hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường.

- Phối hợp chặt chẽ giữa Nhà trường- gia đình- xã hội; giữa nhà trường với các tổ chức đoàn thể, giữa GV, GV chủ nhiệm lớp với các bộ phận phụ trách đoàn đội, y tế, thư viện, thể chất từ đó tạo nên sự nhất quán trong chỉ đạo, tạo hiệu ứng tốt, thuận chiều để thực hiện tốt mục tiêu giáo dục đề ra.

- Làm tốt công tác tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục hàng năm để rút kinh nghiệm kịp thời và duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn của trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

- **Về duy trì sĩ số:** Đảm bảo duy trì sĩ số đạt từ 99.5% – 100%

- **Công tác PCGD- THCS:** phấn đấu đạt tiêu chuẩn phổ cập mức độ 3, trong đó: Tỷ lệ thanh thiếu niên trong độ tuổi từ 15-18 tốt nghiệp THCS đạt 98% trở lên. Tỷ lệ thanh thiếu niên trong độ tuổi từ 15-18 đã và đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp THPT hoặc giáo dục nghề nghiệp đạt 94% trở lên.

- **Về chất lượng 2 mặt giáo dục phấn đấu đạt:**

+ Rèn luyện: Tốt 75 %; Khá 22 %; Đạt 3 %; Chưa đạt 0 %.

+ Học tập: Tốt 20 %; Khá 38 %; Đạt 40%; Chưa đạt 2 %

+ Xét tốt nghiệp HS lớp 9 lần 1 phấn đấu đạt 97% trở lên, lần 2 phấn đấu đạt 100%; Lên lớp phấn đấu đạt 99%

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên THPT phấn đấu đạt 97% trở lên (trong đó hệ công lập phấn đấu đạt 55% trở lên so với tổng số tốt nghiệp, còn lại các hệ khác); Phấn đấu đứng trong top từ 5 – 7/20 của huyện, top 90 – 120/251 của tỉnh.

+ Giáo dục nghề phổ thông phân đầu 100% HS lớp 8 tham gia học nghề PT.
- **Các môn xếp loại:** Nghệ thuật (ÂN,MT) và GDTC (TD) và HĐTĐ, GDĐP các khối phân đầu đạt 100%

- **Các chỉ tiêu khác và tham gia các cuộc thi đối với các khối từ 6 đến 9:**

+ Khảo sát chất lượng đội tuyển các môn lớp 8 phân đầu xếp thứ 5-8/20 trường trong huyện và phân đầu có từ 1- 2 em tham gia ôn tập đội tuyển tỉnh tại THCS Nguyễn Trãi ở các môn thi.

+ Đội tuyển điền kinh phân đầu có 01 học sinh đạt giải cấp tỉnh, 05-06 em đạt giải cấp huyện. Đồng đội huyện phân đầu xếp thứ từ 5 - 8/20. Đội tuyển cờ vua phân đầu có 02-03 em đạt giải huyện, 01 em đạt giải tỉnh, phân đầu xếp thứ 8/20.

+ Thi sáng tạo thanh thiếu niên với ý tưởng khởi nghiệp, hoạt động STEM **mỗi tổ có sản phẩm tham gia thi cấp huyện, tỉnh.**

+ Tham gia đầy đủ các **cuộc** thi IOE, VioEdu, UPU, ATGT, Đại sứ VH đọc... và phân đầu có 3– 5 h/s giỏi tỉnh, QG ở các nội dung trên.

Danh hiệu tập thể và cá nhân CB, GV, NV phân đầu:

* Danh hiệu tập thể: Phân đầu đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

+ **Phân đầu đạt 02 mô hình trường học đó là :** Mô hình trường học đảm bảo “*Sáng – Xanh – Sạch – Đẹp- An toàn - Thân thiện*” và mô hình trường học “*đổi mới, sáng tạo, nâng cao hiệu quả giáo dục*”

+ Đạt cơ quan đơn vị văn hóa cấp huyện

+ Đoàn – Đội phân đầu đạt VMXS, huyện đoàn tặng giấy khen

* Danh hiệu cá nhân:

+ Bằng khen của tỉnh: 01 đồng chí

+ Chiến sĩ thi đua cơ sở : 02 đồng chí;

+ Khen thưởng cấp huyện: 02- 03 đồng chí

+ Giáo viên giỏi trường (2 môn: Toán, Anh): 03- 04 GV;

+ Giáo viên giỏi cấp huyện: 01 GV;

+ Lao động tiên tiến phân đầu đạt 90%/tổng số CBGVNV.

IV. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

Trường được thành lập từ năm 1962 và có tên gọi trường THCS Nam Hưng;

Trường có nhiều năm liên tục đạt tập thể lao động tiên tiến và một số năm đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc (2018, 2021, 2022); được UBND tỉnh tặng Bằng khen (năm 2022) và nhiều năm được UBND huyện tặng giấy khen

Trường đạt chuẩn Quốc gia lần đầu năm 2007; Công nhận lại 2017. Năm 2022 trường SGD&ĐT Hải dương công nhận đạt tiêu chuẩn KĐCL cấp độ 3, được UBND tỉnh Hải Dương công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ II.

1. Thông tin người đại diện pháp luật:

Hiệu trưởng: Trần Thị Ngân

Số điện thoại: 0986020162

Thư điện tử: tranngan.htmtb@gmail.com

2. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục: Không có

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường: Quyết định số: 2198/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 của UBND huyện Nam Sách

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng số: 3477/QĐ-UBND ngày 25/8/2020 của UBND huyện Nam Sách

Quyết định điều động, bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng số: 3491/QĐ-UBND ngày 25/8/2020 của UBND huyện Nam Sách

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có): Thông tư số: 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:



đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên: Không có

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục:

Hiệu trưởng: Trần Thị Ngân

Số điện thoại: 0986.020.162

Thư điện tử: tranngan.htmtd@gmail.com

3. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển nhà trường; quy chế dân chủ, quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ, các quy chế phối hợp; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính, kế hoạch giáo dục nhà trường, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục ...

Nhà trường có đầy đủ các văn bản theo quy định: Chiến lược phát triển của cơ sở

giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở, quy chế chi tiêu nội bộ; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính...; (Có văn bản kèm theo).

Điều 5. Thu, chi tài chính

1. Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Nghị định số 163/2016/NĐ- CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ GD&ĐT Quy định về công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THCS Nam Hưng thực hiện công khai tài chính trên cổng thông tin điện tử nhà trường gồm:

- Thông báo công khai quyết toán thu chi nguồn kinh phí ngân sách nhà nước năm 2023.

- Thông báo công khai dự toán thu chi nguồn kinh phí ngân sách nhà nước năm 2024.

- Công khai thực hiện thu – chi hàng quý, 6 tháng, quyết toán 1 năm

- Công khai chế độ chi trả PCUDD, hỗ trợ GV dạy học sinh khuyết tật.

- Công khai kế hoạch bổ sung ngân sách. Công khai các khoản thu góp

- Thông báo công khai danh sách học sinh được trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với học sinh thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm 2024. (kèm theo DS)

2. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước giao đầu năm 2024 và kinh phí bổ sung đã xây dựng kế hoạch chi chi tiết và được công khai đầy đủ trên cổng thông tin điện tử nhà trường theo địa chỉ: <http://ns-thcsnamhung.haiduong.edu.vn>

b) Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí: Được niêm yết công khai tại bản tin nhà trường bao gồm:

STT	Nội dung thu (chi)	Mức thu	Ghi chú	
1	Bắt buộc (Theo NQ 08,36/HĐND tỉnh và HD 1569/SGDĐT-KHTC)	Học phí	85.000đ/tháng	Công văn số: 123/HD-BCĐ ngày 14/8/2024 của Ban chỉ đạo thực hiện chính sách BHXH, BHYT V/v triển khai công tác thu BHYT học sinh năm học 2024-2025
		BHYT	884.520đ/hs/năm	

2	Dịch vụ (Theo NQ 08,36/HĐND tỉnh và HD 1569/SGDĐT-KHTC)	Xe đạp (H/s tự nguyện ĐK)	10.000đ/tháng	Tự nguyện. Theo QĐ số 04/2018 /QĐ-UBND ngày 27/3/2018 của UBND tỉnh Hải Dương
		Học thêm (H/s tự nguyện ĐK)	7.000đ/tiết	Bổ sung CV số 1710/SGD&ĐT-GDTrH-GDTrX ngày 21/9/2023
3	Thu hộ chi hộ (Theo NQ 08,36/HĐND tỉnh và HD 1569/SGDĐT- KHTC, theo thỏa thuận và tự nguyện)	Tiền sách, vở: Phụ huynh tự mua hoặc nhờ mua tùy theo	Theo giá bìa	PH có thể xin, mượn hoặc tự mua, nhờ mua tùy theo, nhà trường không bắt buộc
		Tiền vệ sinh	20.000đ/tháng	Thỏa thuận
		Tiền nước uống	7.000đ/ tháng	
		Sổ LLĐT	10.000đ/ tháng	Tự nguyện
		BHTT (Tự nguyện)	200.000đ/ năm	Tự nguyện. Theo CV số 418/BVHD-PS2 ngày 08/8/2024 của Công ty Bảo Việt HD
4	Tự nguyện	Xã hội hóa	Không huy động	
5	Tự nguyện	Về đồng phục	- Nhà trường thống nhất mẫu. Cha mẹ HS, học sinh tự nguyện đăng kí may theo nhu cầu. Căn cứ vào số lượng đồng phục học sinh mua, giá cả nhà may cung cấp, phụ huynh thanh toán cho nhà cung cấp	Theo TT số 26/2009/TT-BGDĐT ngày 30/9/2009 Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về việc mặc đồng phục và lễ phục TN của HS,SV)

3) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học: miễn học phí theo theo Nghị quyết số 08 và số 36/2022/NQ-HĐND tỉnh Hải Dương

4) Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù: Không

5) Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở. Công khai hàng tháng, quý trong các cuộc họp Hội đồng sư phạm nhà trường và cổng thông tin điện tử trường

Mục 3. CÔNG KHAI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Điều 8. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông

1. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo.

Cán bộ quản lý:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chuyên môn	Năm b/c	Năm trước liền kề
1	Trần Thị Ngân	HT	Đại học (Toán)	2024	HT
2	Lương Thị Nguyệt	Phó HT	Đại học (Văn)	2024	Phó HT

Giáo viên bộ môn:

STT	Bộ môn	Năm báo cáo	Năm trước liền kề
1	Ngữ văn	02	02
2	Lịch sử	01	01
3	Địa lí	01	01
4	GDCD	0	01
5	Tiếng Anh	02	02
6	Toán	02	02
7	Vật lí	01	01
8	Hoá học	01	01
9	Sinh học	01	01
10	Công nghệ	0	0
11	Tin học	01	01
12	Âm nhạc	0	0
13	Mĩ thuật	01	01
14	Giáo dục thể chất	01	01
Tổng cộng		14	15

2. Nhân viên:

STT	Bộ môn	Trình độ chuyên môn				Năm báo cáo	Năm trước liền kề
		Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng	Khác		
1	Thiết bị, thí nghiệm					0	0
2	Giáo vụ (CNTT)					0	0
3	Tư vấn học sinh					0	0
4	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật					0	0
5	Thư viện		1			1	1
6	Quản trị công sở					0	0
7	Văn thư – Thủ quỹ				1	1	1
8	Kế toán		1			1	1
9	Y tế			1		1	1
10	Bảo vệ				1	1	1
11	Phục vụ					0	0
Tổng cộng			2	1	2	5	5

a) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

- Cán bộ quản lý: 3. Đạt chuẩn 2/2. Tỷ lệ: 100%.

- Giáo viên: 14. Đạt chuẩn 14/14. Tỷ lệ: 100%.

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

- Số lượng: 20 (không tính nhân viên bảo vệ trường)

- Tỷ lệ hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định: 100%

2. Thông tin cơ sở vật chất, TB dạy học:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học		Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	8	1,5
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
5	Số phòng học bộ môn	10	1,8
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện NN)		
7	Bình quân lớp/phòng học	10/8	
8	Bình quân học sinh/lớp	36,6	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	7960	21.6
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	5424	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	504	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	678	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	36	
3	Diện tích thư viện (m ²)	108	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	450	
5	Diện tích phòng khác (....)(m ²)	370	
6	Diện tích vườn trường	500	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	4	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 6	1	
2	Khối lớp 7	1	
3	Khối lớp 8	1	
4	Khối lớp 9	1	-
5	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	3 khu	250 m ²
VII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	11	Số học sinh/bộ

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	7	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	01	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	12	
5	Bảng tương tác	02	

II.

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích(m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		8 (Nam 4, Nữ 4)		0,2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	http://ns-thcsnamhung.haiduong.edu.vn	
XIX	Tường rào xây	X	

3. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

3.1. Danh mục sách giáo khoa sử dụng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

Khối 6, 7, 8, 9 – Điều sử dụng sách kết nối tri thức với cuộc sống và bao gồm các loại sách sau:

STT	TÊN SÁCH GIÁO KHOA
1	Ngữ Văn tập một, tập hai
2	Toán tập một, tập hai
3	Tiếng Anh (FriendsPlus)

4	Khoa học tự nhiên
5	Lịch sử và Địa lí
6	Giáo dục công dân
7	Âm nhạc
8	Mĩ thuật
9	Tin học
10	Công nghệ
11	Giáo dục thể chất
12	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

3.2. Danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu lựa chọn, sử dụng:

Khối 6,7, 8 đều sử dụng bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống, mỗi môn mỗi khối 05 cuốn)

Năm báo cáo				Năm trước liền kề			
TT	TÊN SÁCH	ĐVT	SL	TT	TÊN SÁCH	ĐVT	Số lượng
1	Sách giáo viên môn Toán	Cuốn	15		Sách giáo viên môn Toán	Cuốn	15
2	Sách giáo viên môn Khoa học tự nhiên	Cuốn	15		Sách giáo viên môn Khoa học tự nhiên	Cuốn	15
3	Sách giáo viên môn Công nghệ lớp 8	Cuốn	15		Sách giáo viên môn Công nghệ lớp 8	Cuốn	15
4	Sách giáo viên môn Giáo dục thể chất	Cuốn	15		Sách giáo viên môn Giáo dục thể chất	Cuốn	15
5	Sách giáo viên môn Ngữ văn - Tập I	Cuốn	15		Sách giáo viên môn Ngữ văn - Tập I	Cuốn	15
6	Sách giáo viên môn Ngữ văn - Tập 2	Cuốn	15		Sách giáo viên môn Ngữ văn - Tập 2	Cuốn	15
7	Sách giáo viên môn Lịch sử và Địa lí	Cuốn	15		Sách giáo viên môn Lịch sử và Địa lí	Cuốn	15
8	Sách giáo viên môn Giáo dục công dân	Cuốn	15		Sách giáo viên môn Giáo dục công dân	Cuốn	15
9	Sách giáo viên môn Âm nhạc	Cuốn	15		Sách giáo viên môn Âm nhạc	Cuốn	15
10	Sách giáo viên môn Hoạt động trải nghiệm	Cuốn	15		Sách giáo viên môn Hoạt động trải nghiệm	Cuốn	15

11	Sách giáo viên môn Tin học	Cuốn	15	Sách giáo viên môn Tin học	Cuốn	15
----	----------------------------	------	----	----------------------------	------	----

Khối lớp 9:

Tên xuất bản phẩm (Các môn khối 9 đều sử dụng bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống)							
Năm báo cáo				Năm trước liền kề			
TT	TÊN SÁCH	ĐVT	SL	TT	TÊN SÁCH	ĐVT	Số lượng
1	Sách giáo viên môn Toán lớp 9	Cuốn	05		Sách giáo viên môn Toán lớp 9	Cuốn	0
2	Sách giáo viên môn Khoa học tự nhiên lớp 9	Cuốn	05		Sách giáo viên môn Khoa học tự nhiên lớp 9	Cuốn	0
3	Sách giáo viên môn Công nghệ lớp 9	Cuốn	05		Sách giáo viên môn Công nghệ lớp 9	Cuốn	0
4	Sách giáo viên môn Giáo dục thể chất lớp 9	Cuốn	05		Sách giáo viên môn Giáo dục thể chất lớp 9	Cuốn	0
5	Sách giáo viên môn Ngữ văn lớp 9 - Tập 1	Cuốn	05		Sách giáo viên môn Ngữ văn lớp 9 - Tập 1	Cuốn	0
6	Sách giáo viên môn Ngữ văn lớp 9 - Tập 2	Cuốn	05		Sách giáo viên môn Ngữ văn lớp 9 - Tập 2	Cuốn	0
7	Sách giáo viên môn Lịch sử và Địa lí lớp 9	Cuốn	05		Sách giáo viên môn Lịch sử và Địa lí lớp 9	Cuốn	0
8	Sách giáo viên môn Giáo dục công dân lớp 9	Cuốn	05		Sách giáo viên môn Giáo dục công dân lớp 9	Cuốn	0
9	Sách giáo viên môn Âm nhạc lớp 9	Cuốn	05		Sách giáo viên môn Âm nhạc lớp 9	Cuốn	0
10	Sách giáo viên môn Hoạt động trải nghiệm lớp 9	Cuốn	05		Sách giáo viên môn Hoạt động trải nghiệm lớp 9	Cuốn	0
11	Sách giáo viên môn Tin học lớp 9	Cuốn	05		Sách giáo viên môn Tin học lớp 9	Cuốn	0

4. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá: Trường THCS Nam Hưng đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng về mục đích kiểm định chất lượng. Trong đó, tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện, để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thường xuyên cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục. Trường THCS Nam Hưng đã tự đánh giá chất lượng giáo dục, để xác định rõ trường đã đạt được ở cấp độ nào, từ đó đăng kí kiểm định chất lượng với cấp trên, để được công nhận Chất lượng giáo dục cấp độ 3 và trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, giúp nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa chất lượng giáo dục toàn diện.

Từng năm học, nhà trường đã nghiêm túc thực hiện quá trình tự đánh giá và nộp báo cáo tự đánh giá về bộ phận khảo thí KĐCL của SGD&ĐT Hải Dương; Đồng thời thấy được ý nghĩa thiết thực của công việc tự đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Công việc tự đánh giá đã có tác động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây.

Trường THCS Nam Hưng đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.
3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
6. Viết báo cáo tự đánh giá.
7. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Kết quả tự đánh giá: Đạt tiêu chuẩn KĐCL cấp độ III, đạt chuẩn QG mức độ 2

b) Kết quả đánh giá ngoài: Trường được SGD&ĐT Hải Dương kiểm tra cấp giấy chứng nhận trường đạt tiêu chuẩn KĐCL cấp độ 3 theo GCN số 248/QĐ- SGDĐT, ngày 08/4/2022; Được UBND tỉnh Hải Dương công nhận trường đạt chuẩn QG mức độ II theo QĐ số 790/QĐ – UBND, ngày 08/4/2022.

5. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây:

a) Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp; (không thực hiện)

b) Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục; (không thực hiện) c) Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục: Tiếng Anh

Điều 9. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông:

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

+ Chỉ tiêu tuyển sinh: 80 học sinh (02 lớp)

+ Hồ sơ tuyển sinh

- Đơn xin học (theo mẫu do các Hội đồng tuyển sinh quy định);

- 02 ảnh 3x4 (01 ảnh dán vào đơn, 01 ảnh dán vào học bạ);

- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ; - Học bạ cấp tiểu học.

+ Phương thức và đối tượng tuyển sinh

- Xét tuyển

- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã hoàn thành chương trình Tiểu học.

b) Các kế hoạch giáo dục được đăng tải: Kế hoạch giáo dục nhà trường; Kế hoạch thực hiện công tác GDTC&YT; Kế hoạch kiểm tra nội bộ; Kế hoạch công tác Pháp chế...

c) Các quy chế hoạt động bao gồm: Quy chế dân chủ, quy chế làm việc, quy chế CM, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế phối hợp giữa Nhà trường với Công đoàn; giữa Nhà trường với Công an xã để đảm bảo công tác an ninh; quy chế phối hợp giữa NT với Hội PHHS và các tổ chức đoàn thể địa phương...

Các kế hoạch và quy chế nêu trên được đăng tải trên webiste: <http://ns-thcsnamhung.haiduong.edu.vn/>

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh được tổ chức tập trung vào các ngày như: Chào cờ đầu tuần, tổ chức hoạt động STEM, hoạt động trải nghiệm- hướng nghiệp; sinh hoạt tập thể kỷ niệm các ngày lễ lớn như: Khai giảng, 15/10; 20/11, 22/12, 26/3..., sơ kết, tổng kết năm học

2. Thông tin về kết quả giáo dục năm học 2023 – 2024:

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	364	107	78	100	79
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	266 73,1%	77 72,0%	59 75,6%	72 72,0%	58 73,4%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	74 20,3%	23 21,5%	12 15,4%	23 23,0%	16 20,3%
3	Trung bình (đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	23 6,3%	6 5,6%	7 9,0%	5 5,0%	5 6,3%
4	Yếu (chưa đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	1 0,3%	1 0,9%	0 0%	0 0%	
II	Số học sinh chia theo học lực					
1	Tốt (Giỏi) (tỷ lệ so với tổng số)	69 19,0%	22 20,6%	18 23,0%	23 23,0%	6 7,6%
	Tốt (Giỏi) (tỷ lệ so với tổng số)	69 19,0%	22 20,6%	18 23,0%	23 23,0%	6 7,6%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	146 40,1%	42 39,2%	31 39,7%	40 40,0%	33 41,8%
3	Trung bình (đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	146 40,1%	42 39,2%	27 34,7%	37 37,0%	40 50,6%
4	Yếu (chưa đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	3 0,8%	1 0,9%	2 2,6	0 0%	0 0%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	361 99,2%	106 99,1%	76 97,4%	100 100%	79 100%
a	Học sinh xuất sắc	01 0,3%	0	0	01 1%	0
b	Học sinh giỏi (tốt) (tỷ lệ so với tổng số)	69 19,0%	22 20,6%	18 23,0%	22 22,0%	6 7,6%
c	Học sinh tiên tiến (HS có thành tích tiêu biểu) (tỷ lệ so với tổng số)	146 40,1%	42 39,2%	31 39,7%	40 40,0%	33 41,8%

2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	5 1,4%	1 0,9%	4 5,1%	0 0%	0 0%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	3 0,8%	1 0,9%	2 2,6%	0	0
4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	1/2	0/2	0	0	1/0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	2 0,5%			2 1,9%	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	20	2	3	14	1
2	Cấp tỉnh/thành phố					
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	80				80
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	80				80
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					6 7,5%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					33 41,3%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					41 51,2%
VII	Số học sinh thi đỗ vào THPT hệ công lập (tỷ lệ so với tổng số tốt nghiệp)	36 45,0%				36 45,0%
VIII	Số học sinh học tiếp lên THPT ngoài công lập hoặc học nghề (tỷ lệ so với tổng số tốt nghiệp)	41 51,3%				41 51,3%
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	216/150	66/41	50/28	56/46	44/35
X	Số học sinh dân tộc thiểu số					

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng h/s là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài): Không thực hiện

V. Hình thức và thời điểm công khai:

1. Hình thức:

- Tổ chức công khai trong hội đồng sư phạm bằng hình thức niêm yết, thông báo, đưa lên cổng thông tin của trường để CB, GV, NV và phụ huynh học sinh nắm rõ, từ đó lựa chọn hình thức giáo dục và học tập phù hợp

- Qua công khai cam kết về chất lượng giáo dục và công khai minh bạch về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính tại trường đã tạo điều kiện cho học sinh và xã hội có cơ sở đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường.

2. Thời điểm công khai:

Về chất lượng giáo dục thực tế, tình hình đội ngũ và CSVC năm học trước liên kê, thu chi tài chính 6 tháng đầu năm đăng tải và niêm yết thông báo vào cuối 6, hoặc đầu tháng 7/2024.

Về cam kết chất lượng, tình hình đội ngũ và CSVC, các điều kiện đảm bảo chất lượng, các khoản thu góp đầu năm đăng tải và niêm yết thông báo từ cuối tháng 9 hoặc đầu tháng 10/2024 (sau khi Hội nghị CBVC và có hướng dẫn thực hiện các khoản thu từ cấp trên)

Riêng dự toán thu chi tài chính 2024 hoặc bổ sung kinh phí thì thông báo và đăng tải ngay sau khi có quyết định phân bổ ngân sách 2024 và QĐ bổ sung của UBND Huyện Nam Sách.

Tiếp tục đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của trường và cập nhật khi khai giảng năm học mới và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học mới (tháng 9 hoặc tháng 10 năm 2024) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết công khai tại trường ít nhất 15 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét.

Đối với học sinh tuyển mới: phổ biến hướng dẫn tuyển sinh và thông báo về gia đình qua đài truyền thanh xã và tập trung tại trường

Đối với học sinh đang học tại trường: tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới để thông báo chi tiết.

Các năm về sau vẫn thực hiện theo hình thức và thời gian, thời điểm như năm học trước.

Trường THCS Nam Hưng công khai trong trường học, đầu năm học 2024 – 2025./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Nam Sách(báo cáo);
- Đăng trên trang Web trường;
- Lưu:VT.

